

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Tập 120**

**Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không**

**Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010**

**Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội**

**Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa**

**Giáo chánh: Huệ Trang và Đức Phong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm ba mươi chín, dòng thứ tư từ dưới đếm lên, xem từ chính giữa, xem từ chữ “tam thừa”:

“*Tam thừa giả, thừa giả, xa dã. Tứ Giáo Nghi Tập Chú viết: Thừa dĩ vận tải vi nghĩa, vận xuất tam giới, quy u Niết Bàn*” (Tam thừa: Thừa là cỗ xe. Sách Tứ Giáo Nghi Tập Chú<sup>1</sup> giảng: “Thừa có nghĩa là chuyên chở, chuyên chở thoát khỏi tam giới, trở về Niết Bàn”). Chúng tôi giải thích đoạn này. Câu này [nhằm giải thích một câu] trong kinh vẫn là “*thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa*”. Chúng ta đã học về “*thiện lập phương tiện*”, nay xem đến Tam Thừa. Chữ Thừa (乘) đọc theo cổ âm là Thặng, hiện thời đọc là Thừa; đọc Thặng mọi người đều chẳng biết nghĩa là gì, có lẽ có người nói chúng ta đọc sai, nên thuận theo tập tục [mà đọc là Thừa]! Thừa là cỗ xe. Trong Tứ Giáo Nghi Tập Chú có một câu giải thích như thế này: Thừa là cỗ xe, xe có ý nghĩa chuyên chở, ở đây dùng ý nghĩa ấy. “*Vận xuất tam giới, quy u Niết Bàn*” (chở ra khỏi tam giới, trở về Niết Bàn). Phật pháp dùng Thừa làm tỷ dụ, giống như cỗ xe, Phật pháp có thể giúp chúng ta vượt khỏi tam giới, giống như chúng ta ngồi xe có thể đi xa, mang ý nghĩa này. Tam giới là lục đạo luân hồi, nói “tam giới” hay nói “lục đạo”, ý nghĩa hoàn toàn giống nhau. Tam giới là Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới. Dục Giới có sáu tầng trời, dưới Tha Hóa Tự Tại Thiên có sáu tầng trời, kể cả A Tu La đạo, nhân đạo, súc sanh đạo, ngạ quỷ, địa ngục đều thuộc về Dục Giới. Vì họ chẳng lìa khỏi năm thứ ham muốn là “tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ”, nên gọi là Dục Giới. Dục Giới càng lên cao, ngũ dục càng nhạt ít, càng đi xuống, càng nghiêm trọng. Chúng ta chớ nên không biết điều này!

Hễ liễu giải chúng ta bèn hiểu rõ: Mong vượt thoát, nhất định phải buông ngũ dục lục trần xuống. Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ là ngũ dục. Lục trần là đối tượng

---

1 Tứ Giáo Nghi Tập Chú do ngài Mông Nhuận soạn vào đời Nguyên. Sách này căn cứ theo giáo nghĩa của phái Sơn Gia trong tông Thiên Thai để chú giải bộ Tứ Giáo Nghi của Thiên Thai đại sư. Tác phẩm này tinh xác, rất thuận tiện cho kẻ sơ học, nên lại được ngài Tánh Quán đời Thanh chú sớ thêm, tạo thành bộ Tứ Giáo Nghi Chú Vựng Bồ Phụ Hoàng Ký.

tiếp xúc của sáu căn; mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý là sáu căn, đối tượng tiếp xúc là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Ý là ý niệm, ý đối ứng với Pháp Trần. Những thứ này đều phải nhặt bớt, càng nhặt bớt càng hay! Thật sự có thể buông xuống, sẽ vượt thoát Dục Giới, đến nơi đâu? Đến Sắc Giới. Chư vị phải hiểu Sắc Giới có mười tám tầng trời, đó là chư thiên. Chư thiên Sắc Giới trọn chẳng đoạn dục, chư vị phải biết điều này. Vì sao họ chẳng có dục? Họ có công phu Thiền Định. Khi họ nhập Định, Định có công năng chế ngự ngũ dục, lục trần, nên họ là Phục Đoạn (đoạn trừ bằng cách chế phục), chẳng phải là Diệt Đoạn (đoạn trừ sạch sành sanh), nhưng họ có Sắc. Lên cao hơn là Vô Sắc Giới Thiên, đây là tầng cao nhất trong lục đạo. Vô Sắc Giới thì ngay cả nhục thân cũng chẳng có, chữ Sắc chỉ thân thể vật chất và hiện tượng vật chất. Do vậy có thể biết, trong bốn tầng trời của Vô Sắc Giới, chỉ có hiện tượng tinh thần tồn tại, chẳng có vật chất, chẳng có nhục thân vật chất, mà cũng chẳng có những kiến trúc vật chất, quý vị đều chẳng nhìn thấy. Chúng ta thường gọi những cõi trời ấy là “*linh giới*”, linh hồn của họ tồn tại. Đó là phàm phu cao cấp.

Vô Sắc Giới Thiên tuy khá lắm, nhưng chẳng vượt thoát tam giới, tức là chẳng vượt thoát lục đạo luân hồi. Vô Sắc Giới Thiên tốt đẹp, trong ấy gần như là Niết Bàn. Niết Bàn là bất sanh, bất diệt, cõi trời ấy giống như Niết Bàn, nhưng chẳng phải là Niết Bàn thật sự. Chư thiên Sắc Giới đạt tới cảnh giới cao nhất trong Tứ Thiên Bát Định, tưởng lầm Vô Sắc Giới Thiên là Niết Bàn. Vô Sắc Giới Thiên vẫn có thọ mạng, thọ mạng dài nhất là tám vạn đại kiếp, thời gian ấy thật dài. “*Đại kiếp*”: Một đại kiếp là một lần “thành, trụ, hoại, không” của thế giới này, đủ thấy thế giới này vô thường. Một lần thành - trụ - hoại - không gọi là một đại kiếp. Thành - trụ - hoại - không tám vạn lần, quý vị nghĩ xem, thời gian ấy dài lắm! Tuy dài, rốt cuộc vẫn có ngày chấm dứt, đến ngày ấy, họ đánh mất công năng Thiền Định. Công năng Thiền Định vừa mất đi, phiền não bèn hiện tiền. Ý niệm sai lầm đầu tiên là kẻ ấy tưởng lầm [Vô Sắc Giới Thiên] là bất sanh, bất diệt; có sao lại có sanh diệt? [Do hiểu lầm], bèn hủy báng thánh hiền. Thánh hiền đã nói “*Niết Bàn bất sanh, bất diệt*”, nay kẻ ấy đã mất công năng Thiền Định, phiền não hiện hành, bèn nghĩ các vị thánh hiền lừa gạt họ, ý niệm ấy chính là đại bất kính đối với các vị thánh hiền. Đại bất kính đối với thầy, đối với thánh hiền thì tội nghiệt ấy có cùng mức độ với tội bất hiếu với cha mẹ. Nếu kẻ nào bất hiếu với cha mẹ, không tôn trọng thánh hiền, quả báo là trong địa ngục A Tỳ. Do đó, quý vị thấy trèo lên cao nhất, trèo đến tầng trời Phi Tướng Phi Phi Tướng, té lộn nhào xuống cũng nặng nhất, rơi xuống địa ngục A Tỳ, cầu làm thân người chẳng được! Trong kinh điển, đức Phật giảng chuyện này rất nhiều, và cũng giảng rất rõ ràng. Dụng ý nhằm đặc biệt nhắc nhở chúng ta, chúng ta mong thành Phật, chúng ta phải sanh về Tây Phương Tịnh Độ, đừng cầu thiên đạo! Đạt đến chỗ cao nhất trong thiên đạo, vẫn chẳng thể giải quyết vấn đề! Hai mươi tám tầng trời chẳng thể giải quyết vấn đề, hướng hồ Dục Giới! Người bình phàm sanh lên trời, tuyệt đại đa số đều là sanh trong Tứ Vương Thiên hoặc Đao Lợi Thiên, vì sao? Tình chấp và dục vọng chưa đoạn, khá hơn người bình phàm chúng ta

một chút, nhặt bớt một chút, nhưng chưa đoạn, nên họ tiến cao hơn vô cùng khó khăn! Đó là ý nghĩa của tam giới. “*Vận xuất tam giới*” (chở thoát ra tam giới), nương theo Phật pháp tu hành, có thể vượt thoát tam giới, “*quy u Niết Bàn*” (trở về Niết Bàn). Tiểu Niết Bàn, chẳng phải là Niết Bàn thật sự, mà là Tương Tự Niết Bàn, là sở chứng của A La Hán, vượt thoát tam giới là chứng đắc [của hàng A La Hán], điều này trong phần sau chúng tôi sẽ còn nhắc tới.

Chúng ta lại xem phần tiếp theo: “*Hữu dụ như vận tải công cụ, sử nhân thừa chi các đảo kỳ quả địa, Pháp Hoa dĩ dương, lộc, ngư chi tam xa, dụ Tiểu, Trung, Đại tam thừa. Tiểu giả, Thanh Văn Thừa. Trung giả, Duyên Giác Thừa. Đại giả, Bồ Tát Thừa*” (lại ví như công cụ vận tải, khiến cho người ngồi trên đó ai nấy đều đạt đến quả địa. Kinh Pháp Hoa lấy ba loại xe dê, nai, trâu để sánh ví ba thừa Tiểu, Trung, Đại. Tiểu là Thanh Văn Thừa. Trung là Duyên Giác Thừa. Đại là Bồ Tát Thừa). Đoạn này giảng rõ hơn sách Tứ Giáo Nghi, đây chính là những điều được nói trong kinh Pháp Hoa. Kinh Pháp Hoa nói “*tam thừa*” là ba cỗ xe. Xe chính là ý nghĩa của Thừa. Nói đến ba loại xe, xe dê, xe nai và xe trâu. Xe dê thời cổ rất nhỏ, chỉ có thể chở được một người. Xe nai lớn hơn một chút, có thể ngồi hai người. Xe trâu rất lớn, đại khái có thể ngồi năm, sáu người. Trên thực tế, kinh Pháp Hoa nói “*đại bạch ngư xa*” thì Đại Bạch Ngư Xa chính là xe ngựa trong hiện tại<sup>2</sup>. Hiện thời, công cụ giao thông này chẳng còn nữa, được thay thế bằng xe hơi. Thời xưa, đừng nói là rất xưa, ngay trong lứa tuổi của tôi, nhằm lúc tôi học Tiểu Học và Trung Học, chúng tôi cũng ngồi xe ngựa. Tôi còn nhớ, lúc học Tiểu Học, ngồi xe ngựa; lũ học trò bé, một xe ngựa có thể ngồi được mười bốn, mười lăm đứa. Dùng chuyện này để tỷ dụ nó có thể chuyên chở bao nhiêu người, mà nói là Đại, Trung, Tiểu. Xe nhỏ ví như Thanh Văn, Thanh Văn là A La Hán, A La Hán gọi Tiểu Thừa. Người Tiểu Thừa chỉ cầu tự độ, chẳng phát tâm giúp đỡ người khác. Trung Thừa là Duyên Giác, tức Bích Chi Phật, thông minh hơn A La Hán, nhưng tâm lượng cũng chẳng lớn lắm. Chẳng phải là thiếu tâm từ bi, mà là tâm từ bi chẳng to lớn. Quý vị đến tìm họ, nếu họ thích quý vị thì sẽ có thể dạy quý vị, do có duyên với quý vị. Họ chẳng thích thì sẽ không ngó ngang tới quý vị. Đó là Thanh Văn và Duyên Giác. Bồ Tát khác hẳn, quý vị không đi tìm các Ngài, mà các Ngài chủ động đến dạy quý vị. Các Ngài chẳng có tâm phân biệt, chẳng có tâm ưa ghét, nên Bồ Tát được gọi là Đại Thừa.

Trong phẩm Thí Dụ của kinh Pháp Hoa có một đoạn như thế này: “*Như Lai hữu vô lượng trí huệ, lực, vô sở úy, chư pháp chi tạng, năng dữ nhất thiết chúng sanh Đại Thừa chi pháp*” (Như Lai có vô lượng trí huệ, lực, vô sở úy, các pháp tạng, có thể ban cho hết thảy chúng sanh pháp Đại Thừa), chữ Đại Thừa chỉ Nhất Phật Thừa, “*đản bất*

---

2 Trong các chú giải kinh Pháp Hoa, kể cả bộ Pháp Hoa Luân Quán của tổ Ngẫu Ích đều giảng rõ người Tây Trúc gọi ngựa là “*bạch ngư*”. Ở đây, chúng tôi vẫn dùng ba chữ “dê, nai, ngựa” theo cách dịch phổ biến của người Việt khi dịch đoạn kinh văn này.

*năng tận thọ*” (nhưng [chúng sanh] chẳng thể nhận lãnh hết được). Tuy đức Phật rất từ bi, nhưng pháp Nhất Thừa là phương pháp thành Phật, người bình phàm chẳng thể tiếp nhận. “*Xá Lợi Phất*”, câu này nói với ngài Xá Lợi Phất, “*dĩ thị nhân duyên, đương tri chư Phật phương tiện lực cố, u nhất Phật Thừa, phân biệt thuyết tam*” (do nhân duyên ấy, hãy nên biết chư Phật do sức phương tiện, đối với Nhất Phật Thừa mà phân biệt nói thành ba), tam thừa do vậy mà có. Phật tâm bình đẳng, Phật nguyện rộng sâu, Phật mong mỗi hết thấy chúng sanh đều có thể thành Phật. Vì thế, trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật thường nói: “*Hết thấy chúng sanh vốn là Phật*”. Phật giúp đỡ chúng sanh, nhất định dạy họ trở về tự tánh. Trở về tự tánh bèn thành Phật, [bởi lẽ], họ vốn là Phật. Mê mất tự tánh, chẳng quay về được! Muốn trở về cũng chẳng phải là chuyện đơn giản như thế, vẫn chẳng thể trở về, đó là phàm phu trong lục đạo. Lục đạo phàm phu, nhân gian, Dục Giới Thiên chẳng mong trở về, nhưng Sắc Giới Thiên và Vô Sắc Giới Thiên thật sự muốn quay về! Họ muốn quay về mà cũng chẳng về được, hướng gì các phàm phu trong Dục Giới! Đức Phật bất đắc dĩ, phân biệt Nhất Phật Thừa thành ba giai đoạn, mỗi giai đoạn sau nâng cao hơn giai đoạn trước. Điều này giống như mở trường học, thầy và cha mẹ đều hy vọng học trò đứa nào cũng đạt được học vị Tiến Sĩ, đây là Phật tâm. Nhưng có phải là ai nấy đều đạt được hay không? Chẳng phải! Chẳng phải là người nào cũng đều có thể đạt được; do vậy, nhà trường mới lập ra ba học vị, có Học Sĩ, Thạc Sĩ, và Tiến Sĩ, khá giống với tam thừa!

Mấy câu trong phần trước nói về Như Lai, nhưng trên thực tế là nói về chính mình. “*Như Lai có vô lượng trí huệ*”, Ngài chẳng nói “Phật”, chẳng nói “chư Phật có vô lượng trí huệ”, mà nói “Như Lai”. Kinh Đại Thừa nói “chư Phật” thì quá nửa là nói theo tướng; nói “Như Lai” đều là nói theo tánh. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật dạy: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, nói Như Lai, chẳng nói Phật! Nói Như Lai là nói theo tự tánh. Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh; đã có Phật tánh, đương nhiên có thể thành Phật. Trong Phật tánh có vô lượng trí huệ, có vô lượng lực. Lực là gì? Năng lực, nay chúng ta gọi [năng lực] là “tài nghệ”. Có vô lượng tài nghệ, quý vị có năng lực. Trong kinh Phật có nói: Chư Phật Như Lai có mười thứ năng lực, “mười” tượng trưng cho sự viên mãn, không phải là con số, đúng là “*không gì chẳng biết*” là trí huệ, “*không gì chẳng thể*” là mười lực. Mười lực tượng trưng cho “*không gì chẳng thể*”, chẳng có gì không làm được! “*Vô sở úy*” là bốn thứ không sợ hãi. “*Chư pháp chi tạng, năng dữ nhất thiết chúng sanh Đại Thừa chi pháp*” (tạng các pháp có thể ban cho hết thấy chúng sanh pháp Đại Thừa), đức Phật có năng lực ấy, có năng lực giúp đỡ hết thấy chúng sanh chứng đắc Phật quả rốt ráo trong một đời. Nói theo lý luận, phàm phu thành Phật mất thời gian bao lâu? Trong một niệm! Một niệm giác, phàm phu bèn thành Phật. Một niệm mê, quý vị là phàm phu. Câu này hoàn toàn là lời thật. Một niệm ấy là niệm gì? Theo cuộc đối thoại giữa Thích Ca Mâu Ni Phật và Di Lặc Bồ Tát, trong một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, [“một niệm bất giác” vừa nói trên đây] chính là một niệm trong [một cái khảy ngón tay]. Chỉ cần một niệm

giác, phàm phu bèn thành Phật, bất giác thì chẳng có cách nào. Trong tựa đề kinh này cũng chỉ rõ tam thừa, quý vị thấy tựa đề kinh, về phần tu nhân là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Thanh tịnh là Tiểu Thừa, Tiểu Thừa bao gồm cả Duyên Giác; bình đẳng là Đại Thừa, là Bồ Tát, chữ Giác sau cùng là Nhất Thừa, đó là thành Phật. Vì vậy, kinh này cũng là đức Thế Tôn vì hết thấy chúng sanh mà hiển thị tam thừa.

Chúng ta tu học, nếu đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh trong một đời này, vấn đề ấy đã được giải quyết, bèn thành Phật. Nếu chẳng đạt được cảnh giới này, hãy tùy phần tu học, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tây Phương Cực Lạc thế giới có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm. Tây Phương Cực Lạc thế giới là nơi A Di Đà Phật lập trường học. Trường gì vậy? Trường dạy phàm phu thành Phật, bảo đảm quý vị thành Phật. Điều này rất khó có, một phẩm phiền não chưa đoạn mà vẫn có thể vãng sanh, sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư trong thế giới Cực Lạc, một phẩm phiền não cũng chẳng đoạn đây nhé! Thật sự đoạn mấy phẩm phiền não, chẳng hạn như các loại phiền não nặng nhất và thô nhất trong Kiến Tư phiền não là Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, và Tà Kiến, trong phần trước đã giảng rất nhiều. Năm loại Kiến Hoặc ấy có tất cả là tám mươi tám phẩm. Đoạn hết tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc ấy chính là Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn, tức là Tiểu Thừa Sơ Quả, người như vậy vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng ở trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Vì sao? Người ấy chẳng phải là phàm phu. Nói theo thế gian này, người ấy là thánh nhân, là bậc thánh nhân nhỏ nhoi, chẳng phải là phàm phu. Bậc thánh nhân nhỏ nhoi tuy vị trí rất thấp, nhưng cao minh hơn bọn lục đạo phàm phu chúng ta quá nhiều. Sau khi vị ấy chứng đắc Sơ Quả, Ngài có năng lực, ở trong lục đạo luân hồi, qua lại bảy lần trên cõi trời hoặc trong nhân gian, chắc chắn chẳng đọa trong tam ác đạo, bảo đảm chuyện này! Và cũng chỉ có bảy lần, chẳng có lần thứ tám, [chỉ là] bảy lần, chắc chắn vượt thoát tam giới lục đạo, chứng quả A La Hán. Người như vậy vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sanh về cõi Phương Tiện Hữu Dư, chẳng ở trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, đó là Tiểu Thừa. Ở nơi đây tu đến cảnh giới Tiểu Thừa, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, bèn sanh trong cõi Phương Tiện. Nếu ở nơi đây, chúng ta tu hành đạt tới cảnh giới Bồ Tát, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ chẳng sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, mà sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, có địa vị bình đẳng với các vị Pháp Thân Bồ Tát trong cõi Thật Báo thuộc Tịnh Độ của chư Phật Như Lai. Trong Phật giáo Trung Quốc, những người ấy là những vị được Thiên Tôn gọi là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”, Giáo Hạ gọi họ là “đại khai viên giải”, trong Tịnh Độ Tông gọi là “Lý nhất tâm bất loạn”. Chúng đắc Lý nhất tâm bất loạn, sanh vào cõi Thật Báo. Đến thế giới Cực Lạc, chứng Thường Tịch Quang, Thường Tịch Quang là trở về tự tánh viên mãn.

Bốn nguyện của đức Phật đích xác là hy vọng mỗi cá nhân chúng ta đều có thể viên thành Phật đạo ngay trong một đời. Phàm phu viên thành Phật đạo trong một đời thì chỉ có pháp môn này. Phật pháp nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, bất cứ pháp môn

nào quý vị cũng đều chẳng thể thành tựu trong một đời! Chỉ có pháp môn Niệm Phật Vô Lượng Sanh này là thật sự thành tựu ngay trong một đời! Trong đời này, chúng ta có thể gặp gỡ pháp môn này, [quả thật] chẳng dễ dàng. Đã gặp gỡ thì nhất định phải quý trọng, phải nắm chặt pháp này, ngàn vạn phần chớ nên khinh dễ bỏ qua; [nếu bỏ lỡ] thì chính là làm lần quá đời! Gặp được pháp môn này, đúng như cổ đại đức đã nói: “*Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ*”. Vào đời Thanh trước kia, ông Bành Tế Thanh đã nói: “*Hy hữu khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay*”, ông ta nói pháp môn này hiếm có, khó gặp trong vô lượng kiếp! Đời này, quý vị gặp gỡ, hãy nắm vững nó, pháp môn này “*vạn người tu, vạn người đến*”, câu này do Thiện Đạo đại sư nói, chẳng phải là lời giả! Nhưng học Phật, bất luận học pháp môn nào, nói chung, nhất định phải biết buông xuống. Buông những gì xuống? Buông phiền não xuống, buông tập khí xuống. Cổ đại đức thường dạy chúng ta, hễ điều gì chẳng mang theo được, bèn buông xuống. Chúng ta suy ngẫm, người đã chết có thể mang theo gì vậy? Tài sản của quý vị chẳng mang theo được, thân tình chẳng mang theo được, tước vị chẳng mang theo được, kể cả thân thể của quý vị cũng chẳng mang theo được! Phải hiểu rõ chỗ này. Chẳng mang theo được thì hãy buông xuống, đó là giả, chẳng thật. Điều nào mang theo được thì quý vị bèn đồ công đức sức nơi đó. Đức hạnh mang theo được, công đức có thể mang theo được. Trì giới hữu công, tam-muội là đức, tam-muội là Thiên Định. Thiên Định là Công, khai trí huệ là Đức, những điều này có thể mang theo được. Ngược lại, những tội nghiệp do quý vị đã tạo cũng có thể mang theo. Nếu mang theo một thân tội nghiệp, đời sau sẽ sanh trong tam ác đạo. Suốt đời này, quý vị làm rất nhiều chuyện tốt, những chuyện ấy cũng có thể mang theo được. Do những chuyện tốt ấy, đời sau sanh lên trời, nhưng đều chẳng bằng buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật. Niệm Phật có thể mang theo được, niệm Phật có thể vãng sanh Tịnh Độ. Do vậy, phải thường nghĩ tới những gì có thể mang theo được, chúng ta nghiêm túc nỗ lực thực hiện. Học tập kinh giáo giúp chúng ta khai ngộ. Chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ, học tập kinh Vô Lượng Thọ, tăng trưởng sự hiểu biết đối với Tây Phương Cực Lạc thế giới, thật sự nhận biết rõ ràng, minh bạch, tín tâm mới có thể kiên định, nguyện tâm chẳng lùi; đó là điều kiện ắt phải hội đủ hồng vãng sanh thế giới Cực Lạc.

Tiếp đó, chúng ta lại xem [những lời giảng giải về] phương tiện, “*thiện lập phương tiện*”: “*Hựu, Pháp Hoa Văn Cú viết: ‘Phương tiện giả, môn dã’* (lại nữa, sách Pháp Hoa Văn Cú nói: “Phương tiện là cửa”). Đây là tỷ dụ. “*Vị chân thật tác môn, chân thật đắc hiển, công do phương tiện. Y thử thích, tắc Tiểu Thừa vi nhập Đại Thừa chi môn, cố vị chi phương tiện giáo. Hựu, tam thừa vi thông u Nhất Thừa, cố diệc danh phương tiện giáo. Dĩ thượng kinh luận, chánh hiển ‘thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa’ chi chi*” (làm cửa để thâm nhập chân thật, hiển lộ được sự chân thật, toàn do công của phương tiện. Theo cách giải thích này, Tiểu Thừa là cái cửa để vào được Đại Thừa, nên Tiểu Thừa được gọi là giáo pháp phương tiện. Hơn nữa, do tam thừa thông với Nhất Thừa, nên tam thừa cũng gọi là giáo pháp phương tiện. Những đoạn kinh, luận trên đây

thật sự tỏ rõ yếu chỉ “thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa”). “*Phương*” là phương pháp, “*Tiện*” là thuận tiện. Nói cách khác, là phương pháp rất thích hợp, phương pháp tốt nhất, phương pháp mẫu nhiệm nhất. Trong Phật pháp, thường dùng chữ “*thiện xảo*”, “*thiện xảo*” là phương tiện. Do vậy, phương tiện chẳng phải là phương pháp nhất định; do mỗi người mỗi khác, do mỗi chuyện mỗi khác, tùy thuộc vào đó mà biến hóa vô cùng. Khéo dùng phương tiện là trí huệ; thiếu trí huệ sẽ chẳng biết dùng. Trong những người có trí huệ, Phật là bậc trí huệ viên mãn. Như Lai có vô lượng trí huệ, nên phương tiện môn của Ngài cũng là vô lượng vô biên, vô lượng phương tiện! Sánh ví phương tiện như cửa, cửa có ý nghĩa “có thể tiến vào”. Vì sao? “*Vị chân thật tác môn*” (làm cửa để thâm nhập sự chân thật). Tông môn gọi “chân thật” là “*minh tâm kiến tánh*”, đó là chân thật. Chân là chẳng giả, Thật là chẳng hư dối. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật dạy: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, hư vọng chẳng phải là chân thật, chân thật chẳng phải là hư vọng. Chân thật là gì? Chân thật là tự tánh, chỉ có điều này là chân thật. Vũ trụ do nó biến hiện, vạn pháp cũng do nó biến hiện. Do vì tự tánh có thể sanh, có thể hiện, nên nó là thật, còn những cái được sanh, được hiện chẳng thật. Thật ra, cái được sanh, cái được hiện sanh diệt trong từng sát-na, sát-na chẳng trụ. Trong kinh Phật, thường thấy có câu như vậy. “*Sát-na chẳng trụ*” là sanh diệt trong từng sát-na, chẳng thật, chỉ có tự tánh là bất sanh, bất diệt. Vì thế, ngôn ngữ cổ của Ấn Độ là tiếng Phạn, gọi [bất sanh bất diệt] là Niết Bàn. Niết Bàn có nghĩa là “*bất sanh, bất diệt, chân thật*”. “*Chân thật đặc hiển*”: Quý vị thấu hiểu, chứng đắc. “*Công*” là có phương tiện, công phu là phương tiện; phương tiện có công, chân thật bèn hiển hiện. Nếu quý vị chẳng từ phương tiện môn, quả thật chẳng có cách nào minh tâm kiến tánh!

Theo cách giải thích này, tiếp đó bèn nói: “*Tắc Tiểu Thừa vi nhập Đại Thừa chi môn*” (Tiểu Thừa là cửa để nhập Đại Thừa), đó là pháp phương tiện. Thuở đức Phật tại thế, tiếp nhận lời thỉnh pháp của chư thiên trời Tịnh Cư, họ thỉnh đức Phật trụ thế, thỉnh Ngài chuyển pháp luân, tức là thỉnh Thích Ca Mâu Ni Phật hãy trụ trong thế gian giáo hóa chúng sanh. Thích Ca Mâu Ni Phật nhận lời. Sau khi đã nhận lời, bèn bắt đầu giáo học. Đầu tiên là những người hữu duyên. Ngài rời khỏi gia đình, đi tham học bên ngoài, cha mẹ Ngài rất quan tâm, sai năm người đi theo chăm sóc. Năm vị ấy ở Lộc Dã Uyển. Sau khi đức Phật khai ngộ, rời cội Bồ Đề, đến Lộc Dã Uyển tìm năm người ấy. Tìm được năm người ấy, bèn giảng cho họ nghe pháp Tứ Đế, giảng Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Năm người nghe xong, tôn giả Kiều Trần Như giác ngộ, chứng Tứ Quả La Hán. Do căn tánh khác nhau, căn tánh của năm người không giống nhau, có người chứng Sơ Quả, có người chứng Nhị Quả, chỉ riêng ngài Kiều Trần Như chứng Tứ Quả. Chứng Tứ Quả cũng là Kiến Tư phiền não thấy đều buông xuống, kinh Hoa Nghiêm gọi [Kiến Tư phiền não] là chấp trước. Đối với pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng chấp trước, đặc thanh tịnh tâm. Đối với “*thanh tịnh*” như trong tựa đề kinh này, Ngài đặc thanh tịnh tâm, thành A La Hán, đó là pháp phương tiện. Lại giúp cho vị ấy đặc tâm bình đẳng, cuối cùng, giúp vị ấy đại triệt đại ngộ. Quý vị thấy đó, đều là nói rõ: Dùng phương tiện

hướng dẫn vị ấy hiển lộ sự chân thật, nên là giáo pháp phương tiện. Tam Thừa, tức Tiểu Thừa, Trung Thừa, và Bồ Tát Thừa, cuối cùng đều đạt tới Nhất Thừa, nên giáo pháp Tam Thừa còn được gọi là Phương Tiện Giáo. Cụ Hoàng Niệm Tổ nêu ra những cách nói trong các kinh luận; sau đó, kết luận: “*Dĩ thượng kinh luận*” (các kinh luận trên đây), [tức là] các kinh luận được trích luận ở đây, “*chánh hiển thiện lập phương tiện, hiển thị Tam Thừa chi chi*” (thật sự tỏ rõ yếu chỉ “thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa”). “*Chi*” (旨) là tông chỉ (宗旨). Tông chỉ là mục tiêu chủ yếu, nhắm đến Nhất Thừa, chúng ta nhất định phải biết điều này. Đức Phật giáo hóa chúng sanh, sở hành trong cả đời Ngài toàn là giáo pháp phương tiện, mục tiêu chung cực là giúp quý vị thành Phật, lấy “*chứng đắc Phật quả rốt ráo viên mãn*” làm mục tiêu giáo học chung cực. Từ chỗ này, chúng ta mới thật sự thấu hiểu lòng từ bi vô tận của chư Phật Như Lai đối với hết thảy chúng sanh. Các Ngài giúp đỡ chúng ta chẳng phải là giúp chúng ta đến một giai đoạn rồi thôi, các Ngài một mực giúp cho chúng ta đạt đến rốt ráo viên mãn. Những điều trên đây là tướng thứ bảy, tức Chuyên Pháp Luân, giảng tới đây [là xong].

Tiếp theo đó là tướng thị hiện cuối cùng trong tám tướng thành đạo, tức là “*nhập Niết Bàn*”. “*U thử trung hạ, nhi hiện diệt độ*” (trong hàng trung hạ căn, thị hiện diệt độ). Diệt Độ là Niết Bàn. Chúng ta đọc lời chú giải của cụ Niệm Tổ: “*Trung hạ, cứ Ngụy dịch Tích Sa Tạng bốn chữ Cao Ly Tạng bốn*” (Chữ “trung hạ” dựa theo bản Ngụy dịch trong các bản Tích Sa Tạng<sup>3</sup> và Cao Ly Tạng<sup>4</sup>). Hai chữ “trung hạ” vốn căn cứ trên bản dịch của ngài Khang Tăng Khải. Tích Sa Tạng là bản in [kinh Đại Tạng] đời Tống, và bản chép trong Cao Ly Tạng đều có hai chữ “trung hạ”, tức “*u thử trung hạ*”. Tiếp đó, cụ có giải thích “trung hạ” là gì, “*nhi hiện Niết Bàn*” là thị hiện diệt độ. Nói

---

3 Tích Sa Tạng là Đại Tạng Kinh được khắc vào thời Nam Tống; do nơi khắc kinh là Diên Thánh Viện tại Tích Sa Châu thuộc phủ Bình Giang (nay là Ngô Huyện, tỉnh Giang Tô), nên gọi là Tích Sa Tạng. Không rõ bản này được khắc bắt đầu từ khi nào. Do chùa bị cháy giữa chừng nên việc khắc ván bị gián đoạn, mãi cho đến năm 1322 mới khắc xong. Năm 1929, ông Châu Tử Kiêu phát hiện các mộc bản gần hoàn chỉnh của tạng này tại chùa Ngọa Long và chùa Khai Nguyên, bèn đem về Thượng Hải, hợp lực cùng các ông Đinh Phước Bảo, Tưởng Duy Kiêu, Lý Kinh Vĩ để hiệu chỉnh và ấn hành. Với sự giúp sức của tỷ-kheo Phạm Thành, họ tìm được phần thất lạc tại chùa Quảng Thắng ở huyện Triệu Thành. Bản in Đại Tạng Kinh này được Âu Dương Cảnh Vô viết lời tựa giới thiệu duyên khởi.

4 Cao Ly Tạng, gọi đầy đủ là Bát Vạn Cao Ly Đại Tạng Kinh (Palman Goryo Daejanggyeong) được khắc in vào thế kỷ 13, hiện thời mộc bản còn được tàng trữ tại chùa Hải Ấn (Haeinsa) thuộc tỉnh Quảng Thượng Nam Đạo (Gyeongsangnam-do), Hàn quốc. Tạng này được khắc dựa theo Đại Tạng Kinh đời Tống, khởi sự khắc vào năm 1087, nhưng bị thiêu hủy khi quân Mông Cổ tấn công Cao Ly. Vua Cao Tông (Gojong) của vương triều Cao Ly đã cho giảo chánh và khắc lại lần nữa vào năm 1235, và phải mất 16 năm mới hoàn thành. Mộc bản của Cao Ly Đại Tạng Kinh được coi là quốc bảo của Đại Hàn. Do tính chân xác của Đại Tạng Kinh này, các bản in hiện thời của Đài Loan và Hoa Lục phần lớn dựa theo bản này.



cách khác, Ngài chẳng nói đến bậc thượng, chẳng nói tới thượng thượng. Vì sao? Người thượng thượng căn đã biết Thích Ca Mâu Ni Phật có hiện Bát Niết Bàn hay không? Chẳng có! Kẻ căn tánh trung hạ thấy Thích Ca Mâu Ni Phật nhập Bát Niết Bàn. “*Thử thị bát tướng thành đạo trung chi đệ bát, Bát Niết Bàn tướng*” (đây là tướng thứ tám trong tám tướng thành đạo, tức là tướng Bát Niết Bàn), đây là tướng nhập diệt của Thích Ca Mâu Ni Phật. Niết Bàn (Nirvāṇa), là tiếng Phạn, tức là ngôn ngữ của Ấn Độ [cổ đại], “*cựu dịch vi Diệt Độ, tân dịch vi Viên Tịch*” (dịch theo lối cổ là Diệt Độ, dịch theo lối mới là Viên Tịch). Chúng ta phải hiểu ý nghĩa hai chữ Tân và Cựu này. “*Cựu dịch*” là [cách dịch thuật] trước thời Huyền Trang đại sư, do các vị cổ đại đức phiên dịch. Các Ngài dịch Niết Bàn là Diệt Độ, ý nghĩa cũng rất hay. Diệt (滅) là gì? Diệt phiền não, Độ (度) là “độ sanh tử” (vượt thoát sanh tử), độ luân hồi. Diệt Kiến Tư phiền não, Độ là vượt thoát. Vượt thoát tam giới lục đạo, diệt Trần Sa phiền não, diệt Vô Minh phiền não, vượt thoát mười pháp giới, quý vị mới có thể đạt tới. Độ là đạt đến, đạt đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Diệt có ý nghĩa sau đây: Diệt phiền não, diệt ba thứ phiền não, tức Kiến Tư, Trần Sa, và Vô Minh. “*Tân dịch*” là [cách dịch tuân theo quy định của] Huyền Trang đại sư, những kinh được phiên dịch từ thời Huyền Trang đại sư trở đi gọi là Tân Dịch. Họ dịch hai chữ Niết Bàn thành Viên Tịch, cách dịch này rất hay. Viên (圓) là viên mãn, Tịch (寂) là thanh tịnh tịch diệt, mang ý nghĩa này. Kế đó là: “*Diệt độ giả, diệt sanh tử chi nhân quả, độ sanh tử chi bạo lưu*” (Diệt độ là diệt nhân quả sanh tử, vượt thoát dòng nước lũ sanh tử), “*bạo lưu*” (瀑流) là tỷ dụ, giống như sóng to, là cảnh giới sóng to gió lớn, tức là nói đến sự sanh tử trong lục đạo.

“*Niết Bàn kinh viết: Diệt chư phiền não, danh vi Niết Bàn. Ly chư hữu giả, danh vi Niết Bàn*” (Kinh Niết Bàn nói: “Diệt các phiền não, gọi là Niết Bàn. Lìa các hữu gọi là Niết Bàn”). Điều này chẳng khác các ý nghĩa vừa nói cho lắm. “*Diệt chư phiền não*” là nói [diệt trừ] Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, và Vô Minh phiền não. Đó là ý nghĩa của Diệt, là ý nghĩa của Niết Bàn. “*Ly*” có nghĩa là Độ. “*Ly chư hữu*”: Chư Hữu là tam giới, tức Dục Giới Hữu, Sắc Giới Hữu, Vô Sắc Giới Hữu, có gì vậy? Có nhân, có quả. Quý vị có cái nhân Dục Giới thì mới có quả báo Dục Giới. Quý vị có cái nhân Sắc Giới, bèn có quả báo Sắc Giới. Có cái nhân Vô Sắc Giới, bèn có quả báo Vô Sắc Giới. Vì thế, nếu đồ công độc sức nơi quả sẽ chẳng thể giải quyết vấn đề! Quả báo hiện tiền, nhất định phải giải quyết từ nhân. Do nhân tâm (cái tâm chứa đựng cái nhân) chẳng còn, quả báo chẳng hiện, quả bị tiêu diệt. Vì tam giới lục đạo là huyền tướng, chẳng thật, cổ đại đức sánh ví nó như mộng, huyễn, bọt, bóng. Trong Chứng Đạo Ca, Vĩnh Gia đại sư đã nói rất hay: “*Trong mộng rành rành phô sáu nẻo*”, “*sáu nẻo*” là lục đạo luân hồi, “*giác rồi ba cõi rỗng toang hoang*”. Quý vị giác ngộ giống như đã tỉnh giấc. Sau khi tỉnh giấc, cảnh mộng chẳng còn nữa! Nếu thật sự giác ngộ, buông Kiến Tư phiền não xuống, thật sự giác ngộ, chẳng thấy lục đạo nữa. Chẳng thấy lục đạo, xuất hiện cảnh giới gì? Xuất hiện bốn thánh pháp giới, bốn thánh pháp giới là Tịnh Độ, là

Tịnh Độ của Thích Ca Mâu Ni Phật. Cảnh giới ấy vẫn chưa đạt đến rốt ráo, vì sao? Quý vị vẫn chẳng có cách nào thoát ly mười pháp giới. Thoát ly lục đạo thì vẫn còn có bốn thứ pháp giới trong mười pháp giới là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, và Phật, quý vị chẳng có cách nào rời khỏi, nên vẫn phải buông xuống. Buông phân biệt xuống, quý vị mới có thể tiến lên. Từ Thanh Văn, Duyên Giác, tiến lên Bồ Tát, từ Bồ Tát lại tiến lên Phật. Đến địa vị Phật, nhất định phải buông vô minh xuống, buông Vô Minh phiền não xuống. Buông vô minh xuống thì mới có thể thoát ly mười pháp giới, mười pháp giới cũng đều chẳng còn. Vì vậy, mười pháp giới cũng chẳng thật. Lục đạo đúng là cảnh mộng trong mộng! Thoát ly mười pháp giới, Nhất Chân pháp giới hiện tiền, đó là thật, chẳng giả, trở về Nhất Chân.

Nhưng đối với Nhất Chân ở đây, theo kinh Hoa Nghiêm còn có bốn mươi một địa vị, bốn mươi một địa vị ấy do đâu mà có? Đã đoạn vô minh phiền não, cũng có nghĩa là chúng ta đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng còn khởi tâm động niệm nữa. Khởi tâm động niệm là vô minh phiền não. Chẳng khởi tâm, không động niệm, lấy đâu ra các đẳng cấp? Không khởi tâm, chẳng động niệm là cảnh giới bình đẳng thật sự hiện tiền; hễ khởi tâm động niệm, sẽ không bình đẳng. Bình đẳng thật sự hiện tiền, vì sao đức Phật còn nói bốn mươi một đẳng cấp? Trong Số Sao của Thanh Lương đại sư, tức là trong chú giải [kinh Hoa Nghiêm], Ngài đã nói: “*Những vị ấy gọi là Phật cũng được, mà gọi là Pháp Thân Bồ Tát cũng được*”. Tuy các Ngài đã đoạn vô minh, nhưng tập khí vẫn còn. Vì thế, chúng ta hiểu: Bốn mươi đẳng cấp ấy là do tập khí vô minh có dày hay mỏng khác nhau. Người vừa mới phá vô minh phiền não, đương nhiên tập khí nặng hơn một chút; người đã buông xuống khởi tâm động niệm rất lâu, tập khí sẽ mỏng hơn một chút. [Bốn mươi một địa vị] là nói theo tập khí dày hay mỏng. Tập khí dày hay mỏng có liên quan đến sự tu hành và sự hóa độ người khác của chính mình hay không? Thưa quý vị, chẳng liên quan! Chẳng có may mắn chướng ngại. Vì thế, Sơ Trụ Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm, trí huệ, đức tướng và quả vị rốt ráo chẳng khác chư Phật Như Lai, Sơ Trụ đã thành Phật. Giống như trong phẩm Phổ Môn miêu tả Quán Thế Âm Bồ Tát, nên dùng thân gì để đắc độ, Ngài có thể hiện thân ấy. Nên dùng thân Phật để độ, Ngài liền hiện thân Phật. Nên dùng thân Bồ Tát để độ, Ngài bèn hiện thân Bồ Tát, Ngài có thể tùy loại hiện thân. Kinh Lăng Nghiêm có nói: “*Thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng nhận lãnh của họ*”, trí huệ và đức tướng tỏ lộ viên mãn. Ngài Thanh Lương đã giúp chúng ta hóa giải nghi vấn này. Đối với sự tu học của chúng ta mà nói thì Ngài đã hóa giải, đột phá một tầng chướng ngại. Vì thế, “*ly chư Hữu*” cũng là ý nghĩa của Niết Bàn. Niết Bàn có hai nghĩa là Diệt và Độ.

“*Hựu Hiền Thủ Tâm Kinh Lược Sớ*” (lại nữa, bộ Tâm Kinh Lược Sớ của ngài Hiền Thủ). Trong tông Hoa Nghiêm, Hiền Thủ đại sư là thầy của ngài Thanh Lương, là tổ sư đời thứ ba của tông Hoa Nghiêm, Ngài có tác phẩm chú giải Tâm Kinh gọi là Lược Sớ. Trong ấy cũng có nói: “*Niết Bàn, thủ vãn Viên Tịch*” (Niết Bàn được cõi này dịch

là Viên Tịch). Đây là Tân Dịch, nên dịch [Niết Bàn] thành Viên Tịch. “*Vị đức vô bất bị xưng Viên, chướng vô bất tận viết Tịch*” (ý nói: Chẳng đức nào không trọn nên gọi là Viên, chẳng chướng ngại nào không hết nên gọi là Tịch), nêu ra một tiêu chuẩn để giải thích hai chữ này. Viên là gì? Trí huệ, đức tướng, cũng như đức Thế Tôn đã nói trong kinh Hoa Nghiêm: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Trí huệ, đức năng và tướng hảo của Như Lai thấy đều trọn đủ, chẳng bị khiếm khuyết mảy may, nên nói là “*đức vô bất bị*” (đức không gì chẳng trọn đủ). Đó là ý nghĩa của Viên, có ý nghĩa viên mãn, chẳng khiếm khuyết. “*Tịch*”: Tịch là nói đến chướng, chướng là gì? Phiền não, còn gọi là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thấy đều đoạn sạch, hoặc như trong giáo pháp Đại Thừa thường nói là “*Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, và Vô Minh phiền não*” thấy đều đoạn hết. Đó là Tịch. Tịch là nói theo Đoạn Đức. Đó là ý nghĩa của hai chữ Viên Tịch.

“*Hưu, Chân Giải viết*” (lại nữa, sách Chân Giải nói), Chân Giải là [tác phẩm chú giải kinh Vô Lượng Thọ] của người Nhật. Pháp sư Nhật Bản sang Trung Quốc du học, thân cận Trí Giả đại sư, thân cận Thiện Đạo đại sư, sau khi quay về Nhật Bản, họ chính là những người đã làm cho Đại Thừa Phật giáo [tại Nhật] hưng vượng. Trong tác phẩm chú giải kinh Vô Lượng Thọ ấy, có mấy câu: “*Nghĩa sung pháp giới, đức bị hằng sa, vi Viên*” (Nghĩa đầy ấp pháp giới, đức trọn vẹn như cát sông Hằng là Viên), đó là ý nghĩa của Viên, cách nói này cũng rất hay! “*Nghĩa*” là gì? Nghĩa là Lý, cũng là nói đến trí huệ và đức tướng, đầy ấp trọn khắp pháp giới. Khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể, chỉ có người chứng đắc rốt ráo mới biết, chỉ có người chứng đắc trong Phật pháp mới biết: Chư Phật Như Lai, vạn sự vạn vật trong vũ trụ và chính mình là một Thể. Nếu chúng ta hỏi, vạn sự vạn vật trong vũ trụ và ta có phải là một Thể hay không? Thừa chư vị, là [một Thể]! Ta và bất cứ người nào cũng đều là một Thể, ta và bất cứ vật gì cũng đều là một Thể. Tuy là một Thể, nhưng nay quý vị chẳng thừa nhận, tức là quý vị chẳng chứng thực nó. “*Chứng*” là chứng thực, chứng minh. Vì sao quý vị chẳng thể chứng thực? Vì quý vị có phiền não, có tập khí, có chướng ngại. Nhà Phật nói có hai thứ chướng ngại, tức là hai loại lớn: Một là Phiền Não Chướng, hai là Sở Tri Chướng, có những thứ ấy chướng ngại, khiến quý vị không thể chứng đắc. Hai thứ chướng ngại ấy nếu đều diệt trừ, quý vị bèn chứng đắc, hoằng nhiên đại ngộ, đúng là một, không hai. Hiền Thủ quốc sư có một bài luận văn hết sức nổi danh trong giới Phật giáo là Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán. Bài luận văn ấy chẳng dài, giảng về chuyện này, giảng khởi nguyên của vũ trụ và khởi nguyên của sanh mạng, hết thấy vạn pháp rốt ráo là chuyện như thế nào, đặc biệt là có quan hệ gì với chúng ta, giảng hết sức rõ ràng, hết sức minh bạch. “*Thể cùng chân tánh, diệu tuyệt tương lụy, vi Tịch*” (thể cùng tột chân tánh, khéo léo dứt tuyệt hoàn toàn sự phiền lụy do vướng mắc vào hình tướng là Tịch). Thể là Lý Thể, triết học hiện tại gọi nó là “*bản thể*” của vạn vật trong vũ trụ, cũng có thể giải thích được, mà chúng ta cũng có thể hiểu được, thấu hiểu điều gì? Thấu hiểu chân tánh. Thể là chân tánh, chân tánh là Thể. Trong Tâm Kinh

có mấy câu: “*Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc, Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*”. Không là chân tánh, Sắc là tướng, chúng là một, chẳng hai! Tướng có, Thể không. Do Thể là Không, nên gọi là Chân Không. Không ở đây không phải là chẳng có gì. Hiện thời, kẻ bình phàm chúng ta ngỡ Không là “cái gì cũng không có”, chẳng phải vậy! Không là thứ gì cũng đều có, điều này khó hiểu. Tướng có, Có tức là Phi Hữu, Chân Không chẳng rỗng không. Diệu Hữu chẳng phải là Có, Chân Không chẳng rỗng không. Đó là ý nghĩa của Tịch, viên tịch mà! Khế nhập cảnh giới này, quý vị đắc đại tự tại. Hai chữ “*diệu tuyệt*” là [nói đến] phương tiện, phương tiện thiện xảo, quý vị đắc đại tự tại trong cuộc sống, được hưởng niềm vui chân chánh. Vì sao? Quý vị chẳng mệt mỏi. Nay chúng ta gọi mệt mỏi là áp lực, phiền não, lo âu, vướng mắc, những thứ này đều thuộc vào chữ Lụy. Quý vị hoàn toàn chẳng có [phiền lụy], bèn đắc đại tự tại trong hết thảy cảnh duyên. “*Cảnh*” là hoàn cảnh vật chất, “*duyên*” là hoàn cảnh nhân sự. Đắc đại tự tại trong hoàn cảnh nhân sự và trong hoàn cảnh vật chất, đó là ý nghĩa của chữ Tịch. Cách nói này hay lắm, được trích từ sách Chân Giải.

“*Thượng chi kinh luận*”, đối với những điều trên đây, kinh do đức Phật nói, luận do tổ sư đại đức trước tác, “*biểu Pháp Thân đại sĩ chuyên chỉ Phật quả, bất trụ hôn diệt, đản vị nhiều ích trung hạ Nhị Thừa, thiện xảo phương tiện, nhi thị hiện nhập diệt chi tướng*” (biểu thị Pháp Thân đại sĩ chuyên dốc chí nơi Phật quả, chẳng trụ trong “hôn thân diệt trí”, chỉ vì tạo lợi ích cho hàng Nhị Thừa căn tánh trung hạ, mà dùng phương tiện thiện xảo, thị hiện tướng nhập diệt). Đây là nói rõ hai chữ “*trung hạ*”. Hạ là gì? Tiểu Thừa, [“trung hạ” là] Trung Thừa và Tiểu Thừa, vì họ mà thị hiện. Bậc thượng thượng thừa, người Đại Thừa hiểu rõ ràng, minh bạch: Thích Ca Mâu Ni Phật đang diễn tuồng cho họ xem; nhưng kẻ trung hạ căn không biết, ngỡ Thích Ca Mâu Ni Phật thật sự diệt độ. Ở đây, chúng ta phải học, học theo Pháp Thân đại sĩ “*chuyên chỉ Phật quả, bất trụ hôn diệt*”. “*Hôn diệt*” có nghĩa là gì? Hôn thân diệt trí (灰身滅智) là hàng Tiểu Thừa. Trong Phật môn, thần thức rời khỏi thân thể, chúng ta nói người ấy đã chết. Đã chết bèn hỏa táng, mai táng bằng lửa là “*hôn diệt*”<sup>5</sup>. Trong kinh Tiểu Thừa thường nói đến “*hôn thân diệt trí*”: Thân thể đã đốt sạch, đó “*hôn thân*”. Đối với hết thảy vạn pháp, chẳng có tâm cầu lấy, đó là “*diệt trí*”, hôn thân diệt trí [là như vậy đó]! Pháp Thân Bồ Tát chẳng làm chuyện này, các Ngài chuyên dốc chí nơi Phật Thừa. Phật Thừa là Nhất Phật Thừa, trong Phật môn, [thừa ấy] gọi là Nhất Thừa giáo. Nhất Thừa giáo để nói với ai? Nói với bậc thượng thượng căn, chẳng phải để nói với Đại Thừa. Đại, Trung, Tiểu là Tam Thừa, đó là pháp phương tiện; Nhất Thừa là rốt ráo, quả rốt ráo gọi là Nhất Thừa. Xưa nay, tổ sư đại đức công nhận kinh Nhất Thừa có ba bộ, kinh điển để thành Phật gọi là “*Nhất Thừa kinh*”, tức Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, và Phạm Võng. Hoa Nghiêm

---

5 “*Hôn*” (灰) có nghĩa là tro. Do hỏa táng chỉ còn lại tro, nên gọi là “*hôn diệt*” hoặc “*hôn thân*”. Hiểu theo nghĩa rộng là thân chẳng trụ trong thế gian, tâm trí nguội lạnh, đắm chìm trong niềm vui tịch diệt nơi Thiên Chân Niết Bàn nên gọi là “*hôn thân diệt trí*”.

và Pháp Hoa được truyền sang Trung Quốc, kinh Phạm Võng chỉ có một phẩm, chẳng truyền toàn bộ sang Trung Quốc, chỉ có một phẩm là Bồ Tát Tâm Giới Phẩm. Nhưng một quyển kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ chúng ta đang học đây, cũng được cô đại đức phán định thuộc về pháp Nhất Thừa. Vì sao? Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đến cuối cùng mới viên mãn rốt ráo, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc thì kinh Hoa Nghiêm mới viên mãn. Bộ kinh này chuyên giảng về Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng có nghĩa là đến cuối cùng, chỗ quy túc của kinh Hoa Nghiêm và Pháp Hoa là Vô Lượng Thọ, cho nên bộ kinh này biến thành kinh Nhất Thừa bậc nhất trong các kinh Nhất Thừa. Cách nói này chánh xác!

Do vậy, vào đời Thanh xưa kia, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm đã lấy quyển cuối cùng trong Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, tức là phần giảng về mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, đặc biệt rút ra từ trong kinh Hoa Nghiêm, in kèm thêm vào phía sau Tịnh Độ Tam Kinh, gọi là Tịnh Độ Tứ Kinh. Điều này đã ban cho chúng ta một khái thị rất lớn. Ông ta làm như vậy có đúng hay không? Đúng, có lý do! Quý vị thấy hiện thời chúng ta đọc bộ kinh do lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập, chúng ta học phần này là phẩm thứ hai, [có nhan đề là] Đức Tuân Phổ Hiền. Chúng ta liền biết Tây Phương Cực Lạc thế giới là thế giới Phổ Hiền Bồ Tát, hễ là người vãng sanh thế giới Cực Lạc đều tu gì? Thấy đều tu pháp môn Phổ Hiền. Chúng ta cũng đọc từ kinh điển, thấy kinh điển đã dạy: Bồ Tát chẳng tu pháp Phổ Hiền, sẽ chẳng thể viên thành Phật đạo. Do vậy, bất cứ vị Bồ Tát nào cũng phải học tập pháp Phổ Hiền thì mới có thể thành Phật. Chẳng tu hạnh Phổ Hiền, chẳng thể thành Phật! Thế giới Cực Lạc hoàn toàn là tu Phổ Hiền hạnh. Vì thế, kinh Vô Lượng Thọ và kinh Hoa Nghiêm bình đẳng. Trong niên hiệu Càn Long, cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói: *“Kinh Vô Lượng Thọ chính là Trung Bản Hoa Nghiêm”*. Ông ta thốt ra lời ấy. Nói cách khác, kinh Hoa Nghiêm là Đại Bản Vô Lượng Thọ Kinh; lại còn có Phật Thuyết A Di Đà Kinh, đó là Tiểu Bản Hoa Nghiêm. Kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bản Hoa Nghiêm. Đánh giá ba bộ kinh ấy ngang nhau, hoàn toàn bình đẳng, từ chỗ này chúng ta biết giá trị của bộ kinh [Vô Lượng Thọ] này.

Từ nay về sau, pháp vận của đức Phật hãy còn chín ngàn năm. Tổ tiên người Trung Quốc hết sức coi trọng lịch sử, khác với người Ấn Độ. Người Ấn Độ quả thật chẳng coi trọng lịch sử, mà coi trọng giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, đời đời truyền thừa. Nhưng tại Trung Quốc, theo ghi chép của cổ thánh tiên hiền, Thích Ca Mâu Ni Phật sanh nhằm thời Chiêu Vương nhà Châu của Trung Quốc, tức là vào năm Giáp Dần, nhằm năm thứ hai mươi bốn đời Châu Chiêu Vương, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng sanh. Thích Ca Mâu Ni Phật viên tịch nhằm năm thứ năm mươi ba đời Châu Mục Vương. Nếu theo cách tính này, từ lúc Thích Ca Mâu Ni Phật viên tịch cho tới hiện thời là ba ngàn lẻ ba mươi bảy năm. Đó là cách ghi chép của người Trung Quốc, khác với cách ghi chép của người ngoại quốc. Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật là một vạn hai ngàn năm, Chánh Pháp một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, đã hai ngàn năm trôi qua. Phật pháp truyền đến Trung Quốc nhằm thời kỳ Tượng Pháp, cũng có nghĩa là Thích Ca Mâu Ni Phật

diệt độ một ngàn năm, Phật pháp truyền đến Trung Quốc vào thời Tượng Pháp. Mạt Pháp là một vạn năm, một ngàn năm đầu tiên đã qua, hiện thời là một ngàn năm thứ hai, đã qua ba mươi bảy năm, thời gian vẫn còn rất dài. Vì thế, rất nhiều tôn giáo khác nói đến tận thế, Phật giáo chẳng có thuyết tận thế. Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật hãy còn chín ngàn năm nữa, một ngàn năm thứ hai mới được ba mươi bảy năm. Pháp vận của Phật giáo có hưng, có suy, đó là hiện tượng bình thường; có hưng, có suy, nhưng chẳng bị diệt. Đến lúc nào sẽ diệt? Sau chín ngàn năm nữa, Phật pháp mới bị diệt, bị tiêu diệt trong thế gian này. Bị diệt cuối cùng là bản kinh chúng ta đang học ở đây. Sau khi bản này diệt, còn sót lại sáu chữ “*Nam-mô A Di Đà Phật*” trong nhân gian, còn lưu lại một trăm năm. Chúng ta liễu giải sự thật này thì tín tâm đối với việc học Phật mới có thể tăng trưởng.

Thế gian này có tai nạn hay không? Khẳng định là có. Tai nạn phát sanh như thế nào? Trong kinh, đức Phật đã dạy, do tâm hạnh bất thiện của cư dân ở nơi ấy chiêu cảm, như Thái Thượng Cảm Ứng Thiên đã nói: “*Họa, phước chẳng có cửa, chỉ do con người tự chuốc lấy*”. Chiêu phước như thế nào? Cư dân nơi ấy tâm địa thiện lương, hành vi thiện lương, phước bèn đưa đến, tai tiêu, phước đến. Nếu tâm hạnh của cư dân nơi ấy bất thiện, trái nghịch luân lý, đạo đức, nói theo văn hóa truyền thống Trung Quốc là tư tưởng và ngôn hạnh của chúng ta trái phạm Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, bèn chẳng có phước, phước tiêu tan, họa xảy đến, tai nạn đưa đến là do đạo lý như thế đó. Nếu ngược lại, chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều có thể tương ứng với bốn khoa mục ấy, cũng như chúng ta nghiêm túc học tập Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, tai họa bèn tiêu tan, phước đưa đến, đạo lý là như thế đó. Đạo lý ấy rất sâu! Vô cùng khó có, những nhà khoa học ngoại quốc gần đây, tức các nhà Lượng Tử Vật Lý Học đã chứng thực chuyện này. Họ nói tâm thái có thể biến đổi hết thảy, kể cả hoàn cảnh, giống như đức Phật dạy. Từ ba ngàn năm trước, đức Phật đã nói [như thế], hiện thời họ mới phát hiện, họ nói rất hay! Nếu có thể phổ biến chuyện này, trọn khắp mọi người đều biết, đối với những tai nạn trên địa cầu hiện thời, chúng ta có khả năng và năng lực hóa giải chúng, bất bình thường cũng có thể khôi phục bình thường. Vì thế, chúng tôi cũng khuyên lon những nhà khoa học hãy nên nghiên cứu Phật học. Nếu họ nghiên cứu, chắc chắn sẽ khiến cho khoa học tăng cao trên một mức độ lớn, chúng ta phải có tín tâm!

Tôi thường nói, trong kinh có ba câu chẳng thể không nhớ. Câu đầu tiên là đức Phật nói: “*Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng*”. Các nhà Lượng Tử Lực Học cận đại nói điều này là “*ý niệm làm chúa tể hết thảy*”, còn Phật pháp nói “*hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng*”. Họa, phước chẳng có cửa, do chính quý vị nghĩ như thế nào. Hễ quý vị nghĩ tới thiện, thiện đưa đến. Nếu quý vị nghĩ tới bất thiện, tai họa xảy đến. Không phải là có một chúa tể nào khác, mà chính mình là chúa tể, chớ nên không biết điều này. Hai câu khác hết sức hiện thực: “*Tướng do tâm sanh*” và “*cảnh chuyển theo tâm*”. Thật sự triệt để liễu giải những đạo lý và chân tướng sự thật này, chúng ta yên

tâm thoải mái, hiểu rõ đạo lý. Trong hoàn cảnh, tâm quý vị an định, chẳng bị lay động bởi cảnh giới bên ngoài. Biết “*tướng do tâm sanh*” thì đối với thân thể và tình trạng sức khỏe của chúng ta, chỉ cần tâm tánh thiện lương, chỉ cần ý niệm tốt đẹp, hành vi tốt đẹp, quý vị suốt đời chẳng ngã bệnh, tuổi cao đến mấy vẫn chẳng già yếu, tướng do tâm sanh mà! Nếu ý niệm bất thiện, trong tâm đầy áp tham, sân, si, danh vọng, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần. Tham, sân, si, mạn là gốc bệnh, há lẽ nào chẳng ngã bệnh! Nhất định phải chuyển những ý niệm ấy. Ý niệm đã chuyển, thân tâm khỏe mạnh, gia đình hòa thuận, sự nghiệp thuận lợi, xã hội an tường, hòa bình, kể cả những tai nạn trên địa cầu cũng có thể hóa giải, có đạo lý to lớn trong ấy!

Vì thế, các vị Pháp Thân đại sĩ chuyên chí nơi Phật quả. Chí hướng và tâm nguyện của chúng ta phải chuyên, suốt đời này chúng ta cầu điều gì? Cầu thành Phật; học Phật là muốn thành Phật. Thành Phật như thế nào? Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu gương, chúng ta có thể y giáo phụng hành, sẽ có thể đạt tới hiệu quả giống như Ngài. “*Bất trụ hôn diệt*” là chẳng giống Tiểu Thừa, “*hôn thân diệt trí*” là tiêu cực. Vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện tướng này? Nhằm lợi ích hàng Nhị Thừa trung hạ căn. Vì sao nói là lợi ích? Tiếp đó, có nói rõ, có giải thích, đó là do phương tiện thiện xảo, Ngài bèn thị hiện tướng nhập diệt, chẳng phải là thật sự. Tiếp đó, [sách Chú Giải] giải thích, “*nư Pháp Hoa Thọ Lượng phẩm viết: Nhược Phật cửu trụ u thế, bạc đức chi nhân, bất chủng thiện căn, bản cùng hạ tiện, tham trước ngũ dục, nhập u ức tướng vọng kiến vông trung*” (như phẩm Thọ Lượng trong kinh Pháp Hoa đã nói: “Nếu Phật trụ lâu dài trong cõi đời, kẻ đức mỏng, chẳng gieo thiện căn, nghèo túng, hèn kém, tham đắm ngũ dục, lọt vào lưới ức tướng, kiến giải sai lầm”). Đó là gì? Nếu Phật trụ lâu dài trong thế gian, đúng là “*kẻ đức mỏng chẳng gieo thiện căn*”. Vì sao? Phật thường trụ, [những kẻ ấy sẽ nghĩ] chẳng có gì gấp gáp! Hôm nay đã qua thì hãy còn có ngày mai, năm nay đã qua thì còn có năm sau, chẳng học Phật không sao cả! Sang năm mới học, dẫu sao Phật vẫn còn đó mà! Nếu Phật chẳng còn nữa, họ bèn lo âu, chẳng thể không thật sự hành. Trong tâm người bình phàm đều có khuyết điểm này. Lấy thí dụ trước mặt để nói, năm xưa tôi theo học Giáo với thầy Lý tại Đài Trung, tôi nghiêm túc hơn kẻ khác. Vì sao? Tôi chẳng phải là người Đài Trung, tôi đến Đài Trung để học tập, thời gian có hạn. Các đồng học ở Đài Trung thấy thầy ở đó chẳng đi đâu, bèn giải đãi, họ chẳng dụng công siêng gắng như tôi. Vì tôi biết tôi có thể phải ra đi bất cứ lúc nào, có được thời gian một ngày thì phải nghiêm túc nỗ lực học chăm chỉ một ngày. Họ chẳng có ý nghĩ ấy, [cứ nghĩ] thầy thường ở chỗ này, hãy còn có ngày mai, còn có năm sau, ngày tháng mai sau hãy còn rất dài, đạo lý là như thế đó! Tôi học thành tựu ở nơi đó, nhưng họ học chẳng thành tựu, nguyên nhân là như trong kinh văn này đã nói. Vì thế, đối với những kẻ ấy, đức Phật chẳng thể không thị hiện diệt độ. Hễ thị hiện diệt độ, bèn độ rất nhiều người. Thầy đã mất, trò bèn nghĩ phải làm sao? Trước kia, thầy dạy gì? Suy nghĩ kỹ càng, bèn nghiêm túc học tập, [sự thị hiện diệt độ ấy] có thể kích thích, phát khởi một số người giác ngộ, thông hiểu. Vì thế, thị hiện diệt độ cũng là một phương pháp nhằm giúp đỡ chúng sanh giác ngộ.

Kẻ sắp ngộ, nhưng vẫn chưa khai ngộ, [do thấy đức Phật] vừa thị hiện diệt độ bèn khai ngộ. Thuở trước, khi tôi mới học Phật, thân cận Chương Gia đại sư. Mỗi tuần, đại sư dành cho tôi hai giờ. Ngày Chủ Nhật, tôi được nghỉ, đến tìm Ngài, thỉnh giáo lão nhân gia. Ba năm sau, lão nhân gia vãng sanh. Để hỏa táng, [các môn đệ] đặc biệt tạo riêng một lò thiêu. Khi ấy, có Cam Châu Hoạt Phật dựng lều bên cạnh lò thiêu. Tôi cũng dựng lều ở cạnh đó ba ngày, trong ba ngày, nghiêm túc tư duy, trong ba năm thầy đã dạy tôi những gì, tôi học được điều gì? Nghiêm túc phản tỉnh. Nếu lão nhân gia thường hiện hữu, chúng tôi sẽ không thể nghiêm túc suy nghĩ vấn đề này. Vì vậy, Ngài vừa ra đi, đối với tôi chính là *“một gậy, một tiếng hét giáng vào đầu cảnh tỉnh”*. Cũng may là thời gian ba năm tuy không dài, nhưng căn cơ học Phật của tôi đã được đặt vững; về sau, thân cận thầy Lý mười năm, mới có một chút thành tựu. Nếu chẳng có ba năm đặt vững căn cơ ấy, dù ở trong hội của thầy Lý mười năm, tôi cũng chẳng thể có thành tựu. Vì vậy, các thứ thị hiện, đối với người học tập chúng ta mà nói, nói theo phía học trò, đều có lợi ích rất thù thắng!

Mấy câu này nói rất hay. *“Kẻ đức mỏng”* chẳng phải là nói kẻ ấy thiếu đức hạnh, mà là không đủ dày để chống lại tập khí phiền não! *“Không gieo thiện căn”*, thiện căn là gì? Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thập Thiện Nghiệp Đạo có thể sanh ra hết thảy các thiện pháp thế gian và xuất thế gian, nên gọi là *“thiện căn”*. Hiện thời Phật pháp suy vi, suy ở chỗ nào? Mọi người chẳng gieo thiện căn. Bất luận tại gia hay xuất gia, chẳng học Thập Thiện Nghiệp Đạo đàng hoàng, chẳng thực hiện. Xuất gia không chỉ phải thực hành Thập Thiện Nghiệp, mà còn phải thực hành Sa Di Luật Nghi. Nếu chẳng thể thực hiện Sa Di Luật Nghi thì chẳng phải là kẻ xuất gia, là giả, chẳng thật. *“Bần cùng hạ tiện”* là từ ngữ hình dung, bần cùng gì vậy? Đạo nghiệp bần cùng, Tam Học Giới - Định - Huệ bần cùng, quý vị chẳng có. Không phải là nói về của cải thế gian, không phải nói về những thứ ấy, mà nói về Tam Học Giới - Định - Huệ, đối với điều này, quý vị thiếu khuyết quá nhiều! *“Tham trước ngũ dục”* (tham đắm ngũ dục), ngũ dục là tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. *“Nhập ư ức tướng, vọng kiến võng trung”* (lọt vào lưới ức tướng, kiến giải sai lầm). Suốt ngày ảo tưởng, chúng ta thường nói là tâm hạnh, tính tình bộp chộp. *“Nhược kiến Như Lai thường tại bất diệt, tiện khởi kiêu tư, nhi hoài yếm đãi, bất năng sanh nan tao chi tướng, cung kính chi tâm”* (nếu thấy Như Lai thường hiện hữu, chẳng diệt độ, liền sanh lòng kiêu căng, ôm lòng chán ngán, lười nhác, chẳng thể sanh ý tưởng khó gặp gỡ và tâm cung kính). Nếu Như Lai thường trụ, học trò sẽ nảy sanh những quan niệm sai lầm, kiêu mạn, đối với việc học tập dần dần sẽ chán ngán, lười nhác, cảm thấy chán ghét, những điều này đều là do chẳng gieo thiện căn. Quý vị truy cứu nguyên nhân căn bản thì là vì kẻ ấy thiếu thiện căn. Vì thế, ba căn bản ấy vô cùng trọng yếu. Vì sao thời cổ, chẳng cần nói rất lâu, một trăm năm trước, một thế kỷ trước, người học Phật bất luận tại gia hay xuất gia đều có thể thành tựu, nguyên nhân ở chỗ nào? Thiện căn sâu dày. Đối với thầy, thật sự có lòng cung kính, tôn sư trọng đạo, hiếu thuận cha mẹ, căn cội được vun bồi ổn thỏa. Trong xã hội hiện tại, chẳng thấy



chuyện này nữa! Trẻ nhỏ chẳng hiểu thuận cha mẹ, không tôn trọng thầy, nên hiện thời tìm chẳng được một vị thầy tốt. Không có một vị thầy tốt, cũng tức là sư đạo chẳng còn nữa. Chư vị nhất định phải biết: Sư đạo được kiến lập trên cơ sở hiểu đạo. Chẳng có hiểu đạo, sẽ chẳng có sư đạo. Hiện thời, chúng ta mong có một chút thành tựu trong Phật môn, chẳng thể không học bổ sung các khóa trình ấy. Nay nói đến chuyện học bù thì phải học bổ sung các khóa trình ấy. Bổ sung Thập Thiện Nghiệp Đạo, nhưng vì sao hiện thời chẳng thể thực hiện Thập Thiện Nghiệp Đạo? Thập Thiện Nghiệp Đạo còn có cội rễ. Cội rễ của Thập Thiện Nghiệp Đạo là gì? Thái Thượng Cảm Ứng Thiên là cội rễ của Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thái Thượng Cảm Ứng Thiên còn có cội rễ, là gì vậy? Đệ Tử Quy là cội rễ của Thái Thượng Cảm Ứng Thiên. Vì thế, hiện thời chúng ta phải học từ Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, phải học từ chỗ này. Đệ Tử Quy giống như tầng thứ nhất trong xây nhà. Cảm Ứng Thiên là tầng thứ hai, Thập Thiện Nghiệp Đạo là tầng thứ ba. Không có tầng thứ nhất, lấy đâu ra tầng thứ hai? Quý vị phải biết cách học như thế nào! Sau khi đã có ba tầng ấy, người xuất gia lại còn thêm Sa Di Luật Nghi, là tầng thứ tư. Sau đấy, bắt luận học Nho, học Đạo, học Phật, đều có thành tựu. Học Nho có thể thành thánh, thành hiền, học Đạo có thể thành thần, thành tiên, học Phật có thể thành Phật, có thể thành Bồ Tát. Chẳng có căn thì làm sao được nữa? Căn quá trọng yếu!

Dẫu cho chúng ta hiện thời nói tới niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ, nhưng nếu quý vị chẳng học Thập Thiện Nghiệp Đạo, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ chẳng thành công! Vì sao? Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới cho chúng ta, có một câu rất trọng yếu, quyết định chớ nên coi thường. Ngài nói người trong thế giới Cực Lạc đều là *“chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ”*. Những ai tới đó? Thượng thiện. Thiện ở đây là Thập Thiện, [*“thượng thiện”* là] thượng phẩm Thập Thiện. Người bình phàm tu thượng phẩm Thập Thiện quá nửa sanh trong trời Đao Lợi, chẳng mong thoát khỏi lục đạo luân hồi bèn sanh trong Đao Lợi. Vì thế, đó là điều kiện tiêu chuẩn để sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sau đó còn có những thứ mà người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới nhất định phải tu, tức là thiện căn, phước đức, nhân duyên! [Kinh Di Đà dạy] *“chẳng thể do chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên, mà được sanh về cõi ấy”*. Câu này trọng yếu lắm! Quý vị phải có thiện căn, phải có phước đức. Nhân duyên, duyên phận là gặp gỡ. Quý vị gặp kinh điển này, gặp pháp môn này, tức là quý vị có nhân duyên. Thiện căn là gì? Có thể tin, có thể hiểu. Phước đức là gì? Thật sự làm. *“Thật sự làm”* bao gồm cả ba căn cội, tức Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, và Thập Thiện Nghiệp. Nếu quý vị chẳng thật sự làm, thật sự học, vẫn chẳng thể đến Tây Phương Cực Lạc thế giới được! Chớ nên không biết điều này. Phật chẳng lừa chúng ta, kinh đã nói rõ ràng, rành rẽ; đến khi ấy chẳng thể vãng sanh, chính mình phải chịu trách nhiệm. Thật sự là người hiểu lý, hiểu rõ và minh bạch các đạo lý thế gian và xuất thế gian, mới biết: Bất cứ những gặp gỡ trong đời mỗi người đều do chính mình chịu trách nhiệm, đều là tự làm, tự chịu! Chẳng phải là do Thượng Đế đến làm chủ.

Chẳng có lẽ ấy! Phật, Bồ Tát phù hộ, cũng chẳng có đạo lý ấy. Phật, Bồ Tát gia hộ là Phật, Bồ Tát dạy quý vị những thứ để quý vị tự gia hộ. Quý vị nghe xong, đã hiểu, học đã hiểu rồi, bèn chiêu theo đó để làm, đó chính là Phật, Bồ Tát gia hộ quý vị. Nếu không thật sự chịu làm, quý vị lại bỏ lỡ đời này mất rồi!

Nhất là trong hiện tại, tai nạn rất nhiều. Đối với các chúng sanh tử vong vì tai nạn, đạo tràng chúng ta tu hành mỗi ngày, giảng kinh ở đây đều hồi hướng cho họ. Những người ấy qua đời, đi về đâu? Đều là theo nghiệp lưu chuyển, đó mới là đại sự thật sự. Điều khó bậc nhất trong đời người, đại sự bậc nhất là gặp gỡ Phật pháp. Sau khi đã gặp, có thể tin, có thể hiểu, có thể y giáo phụng hành, đời này có thể vĩnh viễn thoát luân hồi. Không chỉ thoát luân hồi, mà còn vĩnh viễn thoát khỏi mười pháp giới. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, bất luận là vãng sanh trong phẩm vị nào, [đều được] bản nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, tuyệt diệu thay! Quý vị thật sự muốn vãng sanh, hãy vun bồi vững chắc ba căn cội, tức là Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, phải thật sự làm được; sau đấy, phát tâm, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, không một ai chẳng vãng sanh. Những điều kiện như kinh đã dạy chúng ta đều hội đủ, điều này vô cùng trọng yếu.

Vì vậy, đức Thế Tôn thị hiện tướng diệt độ thứ tám, không gì chẳng nhằm khiến cho chúng sanh khởi lên ý tưởng khó gặp gỡ, dấy lên tâm cung kính. “*Thị cố Như Lai tuy bất thật diệt, nhi ngôn diệt độ*” (do vậy, Như Lai tuy chẳng thật sự diệt, mà nói là diệt độ). Đó là nói thật với quý vị. Đức Phật có diệt độ hay không? Không có! Đó là làm ra dáng vẻ cho người căn tánh trung hạ thấy. “*Phi diệt hiện diệt, cố vân thị hiện*” (chẳng phải là diệt độ, mà hiện diệt độ, nên nói là Thị Hiện), chẳng phải là thật. “*Tác thử thị hiện, vị độ trung hạ chi cơ cố. Nhược thị thượng căn, tắc kiến Như Lai vô sở tùng lai, diệt vô sở khứ, bốn ly sanh diệt, hà hữu Niết Bàn*” (thị hiện điều này nhằm độ căn cơ trung hạ. Nếu là bậc thượng căn sẽ thấy Như Lai chẳng từ đâu đến, mà cũng chẳng đi về đâu, vốn lìa sanh diệt, há có Niết Bàn). Đúng vậy! Kinh Kim Cang đã giảng về Như Lai, “*vô sở tùng lai, diệt vô sở khứ*” bèn gọi là Như Lai, đó là thật, đạo lý này rất sâu. Kinh Hoa Nghiêm đã giảng thấu triệt; thật ra, mỗi người chúng ta đều như nhau, xác thực chẳng khác gì Phật. Chỉ vì chúng ta mê muội, bất giác, còn đang tạo tội nghiệp; chư Phật, Bồ Tát giác chứ không mê, đặc đại tự tại, xác thực cùng chúng ta hòa quang đồng trần. Trên thực tế, các Ngài chẳng nhiễm mây trần. “*Thị cố, Tùy Trí Giả đại sư đọc Pháp Hoa Dược Vương phẩm, thân kiến Linh Sơn nhất hội nhiễm nhiên vị tán*” (do vậy, đời Tùy, Trí Giả đại sư đọc phẩm Dược Vương kinh Pháp Hoa, đích thân thấy một hội Linh Sơn nhiễm nhiên chưa tan), thật đấy, chẳng giả đâu! Quý vị nói Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ, nay Thích Ca Mâu Ni Phật vẫn đang giảng kinh Pháp Hoa tại núi Linh Thứu. Trí Giả đại sư là người đời Đường<sup>6</sup>, cách Thích Ca Mâu Ni Phật hơn

---

6 Ở đây, hòa thượng có lẽ nói nhầm chữ Tùy thành Đường, vì tổ Trí Khải sanh năm 538 (tức năm Đại Đồng thứ tư đời Lương Vũ Đế), tịch năm 597. Năm 597 là năm thứ 17 trong niên hiệu

một ngàn năm. Quý vị thấy Ngài đọc kinh Pháp Hoa, đọc đến phẩm Dược Vương bèn nhập Định. Trong Định, đột phá các chiều của thời gian và không gian, thấy Thích Ca Mâu Ni Phật đang giảng kinh Pháp Hoa tại núi Linh Thứu. Ngài còn nghe giảng hết một khóa, tức là nghe hết một buổi giảng, trở về xuất Định, kể với mọi người: Thích Ca Mâu Ni Phật ở tại Linh Sơn, một hội kinh Pháp Hoa cho tới nay vẫn chưa tan, còn đang tiếp tục giảng. Con người có thể trở về quá khứ, và cũng có thể tiến nhập tương lai. Có công phu Thiền Định là được!

Do vậy, những điều được nói trong kinh điển của Thích Ca Mâu Ni Phật, nếu nói theo tiên sinh Phương Đông Mỹ, sẽ là triết học cao nhất, khoa học cao nhất. Những vấn đề mà triết học và khoa học hiện tại chẳng thể giải quyết, trong kinh Phật đã có toàn bộ [những giải pháp]. Do tôi học Phật, được thầy giới thiệu, kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học của toàn thể thế giới. Thuở ấy, tôi học Triết với thầy, tôi chẳng theo thầy học Phật pháp. Thầy bảo tôi, Thích Ca Mâu Ni Phật là triết gia vĩ đại nhất trên thế giới. Tôi đã học năm mươi chín năm, nay đã phát hiện: Không chỉ là triết học cao nhất, mà cũng là khoa học cao nhất. Các nhà Vật Lý hiện đại phát hiện Lượng Tử, nhưng trong kinh Phật đều có, còn nói rõ ràng và viên mãn hơn họ. Đức Phật thấy bằng cách nào? Thấy trong Định. Trong Định, tất cả các chiều không gian [khác nhau] đều bị đột phá toàn bộ, chính mắt thấy, chẳng cần dùng máy móc. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

---

Khai Hoàng của Tùy Văn Đế. Ngài sống qua các triều đại Lương, Trần và Tùy, nhưng viên tịch trước khi nhà Đường thành lập vào năm 618 (khi Lý Uyên xưng đế).